

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS
TỈNH PT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2021
V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Bùi Hồng Đào.

Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí -Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh PT tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2021/TLST-HNGĐ, ngày 28/6/ 2021 về việc “ Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số:17/2021/QĐSXST-HNGĐ, ngày 15/9/2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Xóm M, xã VL, huyện TS, tỉnh PT. Có mặt.

Bị đơn: Chị **Hà Thị H**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm D, xã TK, huyện TS, tỉnh PT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2021 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 24/12/2019, anh và chị Hà Thị H đã ký kết hôn tại UBND xã VL, huyện TS, tỉnh PT. Hai bên chung sống hạnh phúc được khoảng 01 (một) năm thì vợ cHphát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm đến đầu năm 2021, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm Dục, xã TK, huyện TS, tỉnh PT để sinh sống. Từ đó hai bên chính thức ly thân chấm dứt quan hệ tình cảm. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện TS, cho anh xin ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Hà Thị H: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng chị H đều vắng mặt. Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 8 năm 2021 đối với bà Hà Thị Liên là mẹ đẻ chị H, bà Liên cho biết:

Anh T, chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã VL, huyện TS, tỉnh PT trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã ly thân vợ chồng không có con chung, nay các cháu xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh PT phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên không tiến hành hòa giải được, nhưng đã được Thẩm phán thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Bị đơn theo khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT xét xử vắng mặt Bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Anh T và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Về con chung: Anh T; chị H chưa có con chung nên không đặt ra giải quyết.

Đối với tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về án phí dân sự: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT cho anh xin ly hôn với chị Hà Thị H, căn cứ khoản 1, Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TS đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H, tuy nhiên chị H cố ý vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị H vắng mặt, tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện TS đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TS xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 24/12/2019, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã VL, huyện TS, tỉnh PT. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Tòa án đã làm rõ hiện vợ chồng anh, chị đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H cố ý vắng mặt nên chưa có yêu cầu về những vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi chị H, anh T có yêu cầu thì anh; chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[5]. Về án phí: Anh T là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh T và chị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Hà Thị H.

Về con chung: Chưa có con chung.

Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp : Anh T không yêu cầu và chị H vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số:0003148 ngày 26/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh PT.

Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Chị Hà Thị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TS;
- THADS huyện TS;
- UBND xã HN;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Đinh Văn Chí